

| | | | |
|---------------------------|------------------|---------------|---------------|
| Ngày 28/06/2024 | 5,550 VNĐ | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | -7.2% | -12.9% | -11.9% |

| | | |
|------------|-------------|-------------------|
| | Q2/24 | |
| ROE | 0.9% | +/- YoY ▼ 7.2% |

| | | | |
|-----------------|-------------|-------------------------|------------------------|
| | Q2/24 | | |
| DT thuần | 90.2 | QoQ ▲ 53.5 ▲ 146% | YoY ▲ 129 ▲ 334% |
| | | tỷ VNĐ | |

| | | |
|-----------------|------------|--------------------------|
| | 6T 2024 | |
| DT thuần | 127 | YoY ▼ 95.0 ▼ 42.8% |
| | | tỷ VNĐ |

| | | | |
|---------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | Q2/24 | | |
| LN gộp | 9.34 | QoQ ▲ 3.86 ▲ 70.5% | YoY ▲ 3.51 ▲ 60.3% |
| | | tỷ VNĐ | |

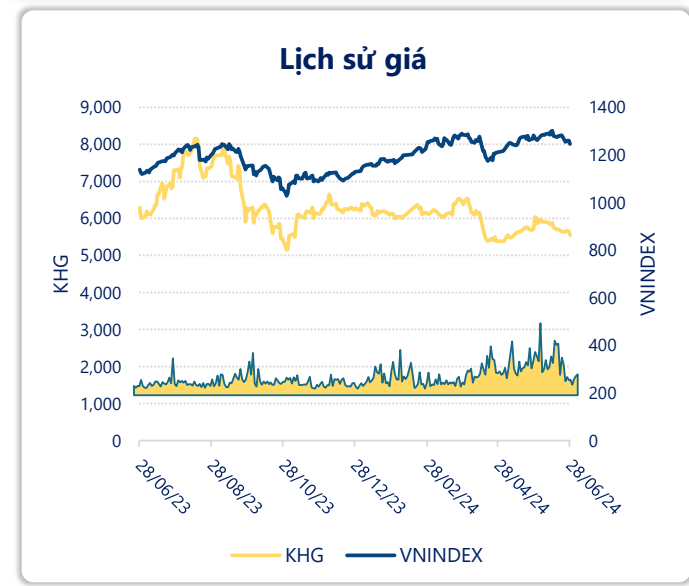
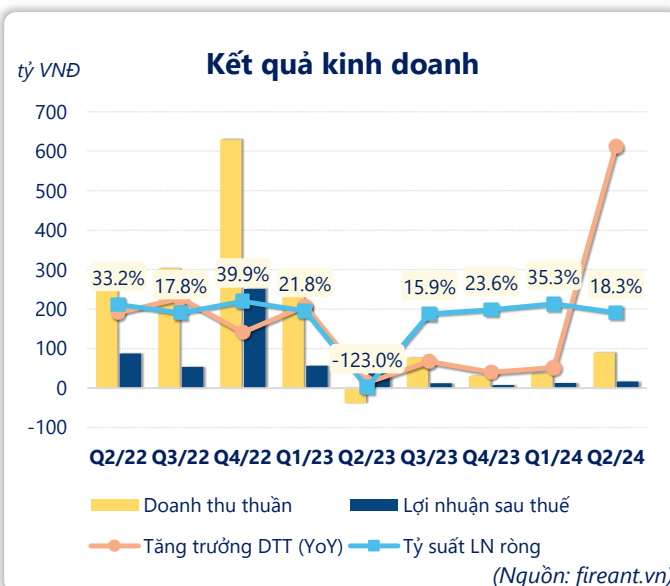
| | | |
|---------------|-------------|-------------------------|
| | 6T 2024 | |
| LN gộp | 14.8 | YoY ▲ 11.6 ▲ 365% |
| | | tỷ VNĐ |

| | | | |
|-----------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | Q2/24 | | |
| LN thuần | 20.5 | QoQ ▲ 4.20 ▲ 25.8% | YoY ▼ 39.9 ▼ 66.1% |
| | | tỷ VNĐ | |

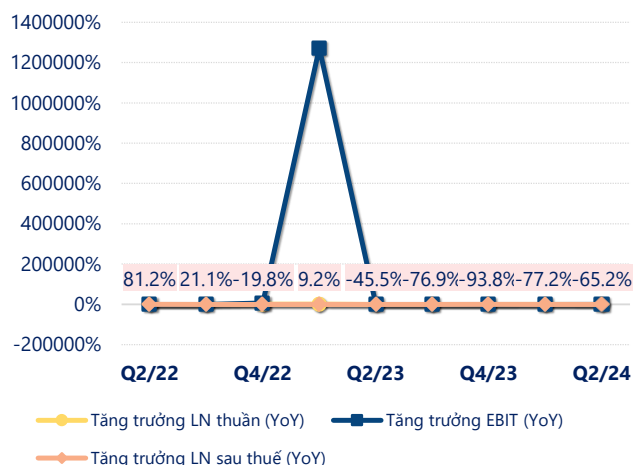
| | | |
|-----------------|-------------|--------------------------|
| | 6T 2024 | |
| LN thuần | 36.8 | YoY ▼ 94.2 ▼ 72.0% |
| | | tỷ VNĐ |

| | | | |
|--------------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | Q2/24 | | |
| LN sau thuế | 16.5 | QoQ ▲ 3.50 ▲ 26.8% | YoY ▼ 31.0 ▼ 65.3% |
| | | tỷ VNĐ | |

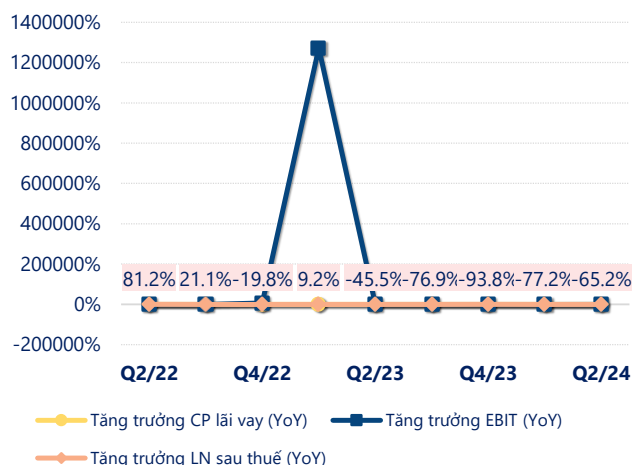
| | | |
|--------------------|-------------|--------------------------|
| | 6T 2024 | |
| LN sau thuế | 29.4 | YoY ▼ 74.6 ▼ 71.7% |
| | | tỷ VNĐ |



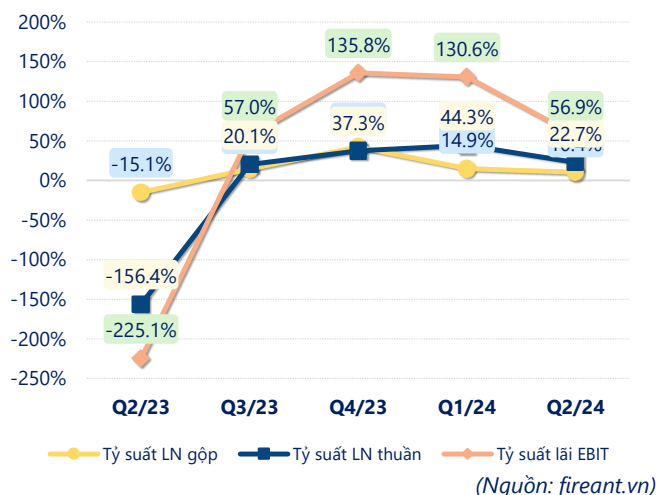
Tăng trưởng lợi nhuận



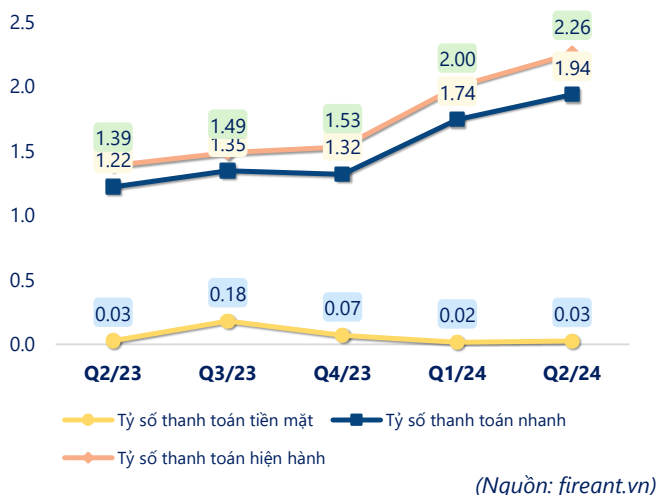
Tăng trưởng chi phí



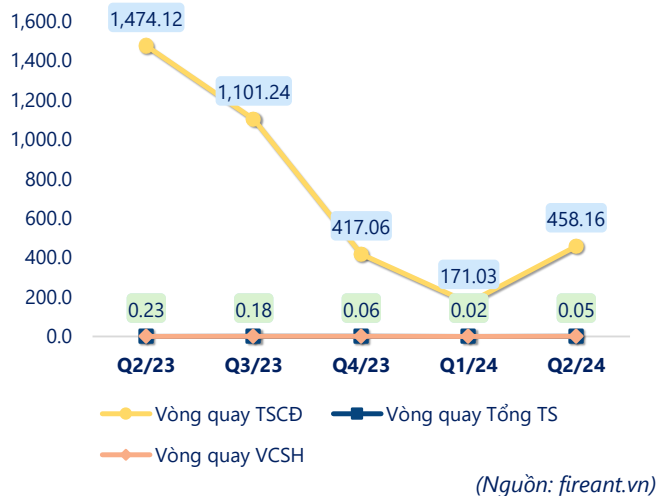
Tỷ suất lợi nhuận



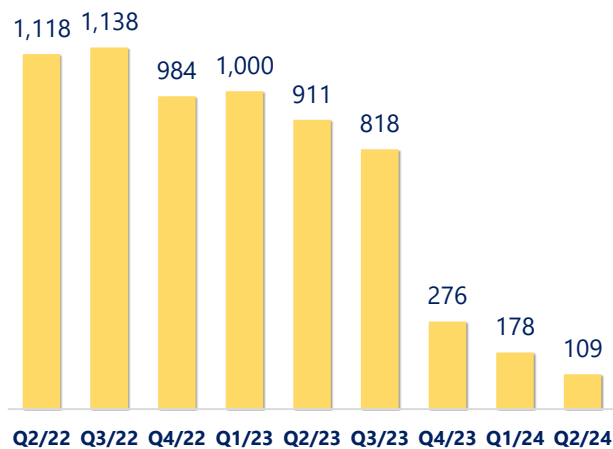
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q2/24 | Q2/23 | Thay đổi YoY | 6T 2024 | 6T 2023 | Thay đổi YoY |
|--------------------------------|-------------|--------------|-----------------|-------------|--------------|-----------------|
| Doanh thu thuần | 90.2 | -38.6 | 334% | 127 | 222 | -42.8% |
| Giá vốn hàng bán | 80.9 | -44.4 | 282% | 112 | 219 | -48.8% |
| Lợi nhuận gộp | 9.34 | 5.83 | 60.3% | 14.8 | 3.19 | 365% |
| Doanh thu HĐTC | 65.2 | 109 | -40.2% | 130 | 244 | -46.9% |
| Chi phí TC | 33.1 | 26.3 | 25.8% | 66.9 | 58.8 | 13.9% |
| Chi phí lãi vay | 30.7 | 27.4 | 12.0% | 62.4 | 57.2 | 9.2% |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí bán hàng | 13.1 | 19.4 | -32.6% | 26.6 | 41.0 | -35.1% |
| Chi phí QLDN | 7.89 | 8.93 | -11.7% | 14.3 | 16.6 | -14.0% |
| LN thuần từ HĐKD | 20.5 | 60.4 | -66.1% | 36.8 | 131 | -72.0% |
| Lợi nhuận khác | 0.17 | -0.85 | 120% | 0.12 | -0.64 | 118% |
| LN trước thuế | 20.7 | 59.5 | -65.3% | 36.9 | 131 | -71.7% |
| Lợi nhuận sau thuế | 16.5 | 47.5 | -65.3% | 29.4 | 104 | -71.7% |
| LNST của CĐ cty mẹ | 16.5 | 47.5 | -65.3% | 29.4 | 104 | -71.7% |

(Nguồn: fireant.vn)

